TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HS - ST
Ngày 16/7/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Xuân Quảng;

2. Bà Đỗ Thị Láng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ưu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Hứa Thị Hồng Tươi– Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2019/TLHS - ST ngày 14/6/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Triệu Văn Qu; tên gọi khác: Không; sinh ngày 26/01/1985 tại xã X, huyện P, tỉnh Bắc Kạn; nơi cư trú: Tổ 17, phường Ng, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày, giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Triệu Đức Th và bà Triệu Thị Đ; có vợ là Ngọc B; có 02 con (Con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/3/2019 đến ngày 29/3/2019 được tại ngoại và đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:*

- Anh Bàn Văn S; tên gọi khác: Bàn Dào C; sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn V, xã Ph, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

- Chị Triệu Thị S1; sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn V, xã Ph, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23/03/2019, Triệu Văn Qu theo anh Trần Văn H (trú tại: Tổ 3, phường S, thành phố B) đến thi công xây nhà cho gia đình anh Bàn Văn S ở thôn V, xã Ph, huyện B. Qu ăn nghỉ cùng nhóm thợ tại nhà cũ của anh S. Khoảng 14 giờ 15 phút ngày 25/03/2019, Triệu Văn Qu vào khu vực nhà bán hàng của anh Bàn Văn S, mua của anh S 01 gói mì tôm, rồi anh S đi ra khỏi nhà để cắt tóc cho khách, Qu tự tìm bát đũa, nước sôi để pha mì tôm. Lúc đó trong nhà không còn ai nên Qu đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, Qu đi đến chiếc tủ kê giữa nhà mở một ngăn tủ ra thì thấy 01 chiếc túi màu đen có quai xách, mở túi ra thấy bên trong có nhiều tiền, Qu lấy được 11 tờ tiền có mệnh giá 500.000 đồng và một số tiền có các mệnh giá 5.000 đồng, 10.000 đồng, 20.000 đồng, 50.000 đồng, 100.000 đồng, 200.000 đồng; Qu cho tiền vào túi quần và đi ra ngoài rồi đi nhờ xe máy của một người thanh niên đến thị trấn Ch, huyện B, thuê xe taxi về thành phố B, tỉnh Bắc Kạn và đi Thái Nguyên chơi. Số tiền Qu trộm cắp được là 6.695.000 đồng (Qu đã tiêu sài hết 6.355.000 đồng, Cơ quan điều tra còn thu giữ được 340.000 đồng).

Tối ngày 25/03/2019, khi vợ chồng anh Bàn Văn S và chị Triệu Thị S1 mở xem camera của gia đình thấy Qu đi lại nhiều lần trong nhà bán hàng, khi kiểm tra túi xách đựng tiền để trong tủ, kiểm đếm thì thấy bị mất số tiền 5.500.000 đồng có mệnh giá 500.000 đồng để một tập riêng và một số tiền bán hàng có nhiều mệnh giá khác nhau, nghi ngờ Qu trộm cắp tiền của mình nên đã trình báo sự việc với cơ quan công an, đồng thời yêu cầu Triệu Văn Qu phải bồi thường số tiền mà Qu đã chiếm đoạt của gia đình.

Quá trình điều tra, bị can Triệu Văn Qu đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, Qu thừa nhận bản thân là người nghiện ma túy, do không có tiền để mua ma túy sử dụng nên lợi dụng gia đình anh S không có người ở trong nhà, Qu đã lấy trộm của gia đình anh S số tiền 6.695.000 đồng.

Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại và những tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 16/CT - VKSBB ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo Triệu Văn Qu về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều luật có nội dung:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng;"

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Triệu Văn Qu phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Triệu Văn Qu từ 12 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Qua các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện bị cáo không có tài sản, không có nguồn thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là "phạt tiền" đối với bị cáo.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa, bị hại Bàn Văn S xác nhận gia đình bị cáo đã bồi thường cho gia đình anh S số tiền 6.000.000 đồng. Đối với số tiền 340.000 đồng, Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo là tiền trộm cắp của gia đình anh, đề nghị trả lại cho gia đình anh. Đối với số tiền còn thiếu là 355.000 đồng, anh Bàn Văn S yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp cho gia đình anh.

Căn cứ các Điều 584; 585; 586; 589 của Bộ luật dân sự. Đề nghị HĐXX buộc bị cáo Triệu Văn Qu phải bồi thường số tiền còn thiếu là 355.000 đồng cho anh Bàn Văn S và chị Triệu Thị S1.

Về xử lý vật chứng và án phí: Theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà bị cáo Triệu Văn Qu thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Triệu Văn Qu thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có căn cứ xác định: Ngày 25/03/2019, tại nhà của gia đình anh Bàn Văn S ở thôn Vằng Qu, xã Ph, huyện B, Triệu Văn Qu đã có hành vi lén lút trộm cắp số tiền 6.695.000 đồng trong túi xách màu đen để trong tủ gỗ kê giữa nhà của gia đình anh Bàn Văn S. Sau khi bị phát hiện, Cơ quan điều tra đã thu giữ được 340.000 đồng, còn số tiền 6.355.000 đồng Qu đã sử dụng hết.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bản thân là người nghiện ma túy, do không có tiền để mua ma túy về sử dụng nên lợi dụng gia đình anh S không có người ở trong nhà, bị cáo đã thực hiện việc trộm cắp số tiền 6.695.000 đồng của gia đình anh S. Hành vi của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Tội phạm mà bị cáo thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tuy nhiên bản thân bị cáo trước đây đã nhiều lần phạm tội "Trộm cắp tài sản" và đã bị Tòa án xét xử nhiều lần, song bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện trở thành công dân có ích cho xã hội mà lại tiếp tục phạm tội. Do vậy, cần phải có một mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu. Tại bản án số 01/2012/HSST ngày 19/11/2012, Tòa án nhân dân thị xã B (Nay là thành phố B) xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; tại bản án số 16/2013/HSST ngày

21/01/2013, Tòa án nhân dân thị xã B (Nay là thành phố B) xử phạt bị cáo 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt 12 tháng tù tại bản án số 01/2012/HSST ngày 19/11/2012, buộc bị cáo Qu phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 30 tháng tù; ngày 26/01/2016 Công an phường Ph, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn xử phạt vi phạm hành chính, hình thức phạt tiền 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đối với Triệu Văn Qu về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Triệu Văn Qu đã chấp hành xong hình phạt tiền theo quyết định xử phạt hành chính trên.

Tính đến thời điểm phạm tội lần này, bị cáo đã được xóa án tích đối với những lần bị kết án vào các năm 2012, 2013 và được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Do vậy xác định bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, song bị cáo là đối tượng có nhân thân xấu.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho gia đình bị hại được số tiền là 6.000.000 đồng. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại*" và "*Người phạm tội thành khẩn khai báo*" quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị hại Bàn Văn S, Triệu Thị S1 đều có ý kiến đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do vậy bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX thấy cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù trong một thời gian nhất định mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự, ngoài hình phạt chính thì người phạm tội còn có thể phải chịu phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy điều kiện kinh tế gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo không có tài sản, không có nguồn thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho gia đình bị hại được số tiền là 6.000.000 đồng. Sau khi trộm cắp của gia đình anh Bàn Văn S số tiền 6.695.000 đồng, bị cáo đã tiêu sài hết 6.355.000 đồng, số tiền còn lại là 340.000 đồng, Cơ quan điều

tra đã thu giữ cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Bàn Văn S và chị Triệu Thị S1.

Tại phiên tòa, bị hại Bàn Văn S yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp cho gia đình bị hại số tiền còn thiếu là 355.000 đồng. Bị cáo nhất trí bồi thường tiếp cho gia đình bị hại số tiền trên.

Căn cứ các Điều 584; 585; 586; 589 của Bộ luật dân sự. Cần buộc bị cáo Triệu Văn Qu phải bồi thường số tiền còn thiếu là 355.000 đồng cho anh Bàn Văn S và chị Triệu Thị S1.

[7] Về xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, có bàn phím, không liên quan đến việc phạm tội, tuy nhiên cần tạm giữ để bảo đảm thi hành án dân sự cho bị cáo Qu.

- Số tiền 340.000 đồng là tiền Qu trộm cắp của vợ chồng anh S, chị S1, cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Bàn Văn S và chị Triệu Thị S1.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng và án phí đối với bị cáo là phù hợp, có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Triệu Văn Qu** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Triệu Văn Qu 12 (*Mười hai*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26/3/2019 đến ngày 29/3/2019.

2.Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; căn cứ các Điều 584; 585; 586; 589 và 357 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Triệu Văn Qu phải bồi thường số tiền còn thiếu là 355.000 đồng (Ba trăm năm mươi năm nghìn đồng) cho anh Bàn Văn S và chị Triệu Thị S1.

Việc thi hành án khoản tiền bồi thường được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự ; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tạm giữ của bị cáo Qu 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, có bàn phím, để bảo đảm thi hành án dân sự cho bị cáo.

- Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Bàn Văn S và chị Triệu Thị S1 số tiền 340.000 đồng là tiền bị cáo Qu trộm cắp của vợ chồng anh S, chị S1.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Triệu Văn Qu phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo Triệu Văn Qu và bị hại Bàn Văn S có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại Triệu Thị S1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- THADS huyện B;
- Bị cáo;
- Các bị hại;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nguyệt Thu

Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luâth hình sự năm 1999 thì "*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm*

mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.”

[2] Các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 và Bộ luật hình sự năm 2015 không gây bất lợi đối với quyền và nghĩa vụ các bị cáo sẽ được Hội đồng xét xử áp dụng để giải quyết các vấn đề trong vụ án.